

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-11-2019

Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Số x ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Đức Đ, sinh năm: 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Số xx đường N, tổ y, khu phố z, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Huyền T trình bày:

Sau khoảng thời gian 03 năm tìm hiểu, chị T và anh Đ đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2013 ngày

09/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ năm 2015 khi anh Đ bị tai nạn giao thông chấn thương phần đầu nên tính tình thay đổi thất thường, nóng tính chửi bới, vợ chồng sống không hòa hợp nên thường hay cãi nhau. Mỗi người có một công việc khác nhau nhưng anh Đ can thiệp vào công việc của chị T gây ảnh hưởng đến việc làm ăn, vì conchị T cố gắng chịu đựng, nhưng anh Đ không thay đổi. Tháng 2/2019, chị T đưa con về bên nhà mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm, trong khi đó anh Đ còn nhắn tin, gọi điện đe dọa, xúc phạmchị T. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lương Đức Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Lương Đức Nhật Q, sinh ngày 02/8/2014, hiện đang ở với chị T. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị T yêu cầu được nuôi cháu Q đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Trong quá trình tố tụng chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Lương Đức Đ trong quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện, xác định yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ công nhận lời trình bày của chị T về việc kết hôn và con chung là đúng, cho rằng ngay từ đầu vợ chồng không tâm đầu ý hợp, bất đồng quan điểm nhưng nghĩ sau khi về chung sống với nhau sẽ hiểu nhau hơn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng do theo đạo nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Nếu như phải ly hôn, anh Đ đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện chị T phải lo cho con đầy đủ, không được để cho con thiếu thốn, bị bệnh tật.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với anh Đ. Giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Txác định xác định yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với anh Đ, được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng, chị Txin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với anh Đ, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2013 ngày 09/4/2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đ và chị T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T cho rằng anh Đ không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, trong khi đó anh Đ cho rằng ngay từ đầu vợ chồng đã bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, khi về sống chung với nhau vẫn không giải quyết được. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân

nhưng không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có một con chung là cháu Lương Đức Nhật Q, sinh ngày 02/8/2014, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng phải lo cho con đầy đủ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền T về việc yêu cầu anh Lương Đức Đ cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Lương Đức Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền T được ly hôn với anh Lương Đức Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lương Đức Nhật Q, sinh ngày 02/8/2014 cho chị Lê Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Huyền T về việc không yêu cầu anh Lương Đức Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Huyền T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000697 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND phường L,
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức